

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 02 năm 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Ngọc và bà Trần Thị Bích Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng, Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông T1 vụ án thụ lý số: 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “”Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn N, xã Th, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994; nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã Th, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Đỗ Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Phạm Thị H ngày 25/12/2014, trước khi cưới có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị H về gia đình anh làm dâu và ở chung cùng gia đình được 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, H phúc. Đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, T1 xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến tháng 8/2020, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H và xin ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 24/11/2015 và Đỗ Nhật M, sinh ngày 27/7/2018. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2023 chị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn T1 ngày 25/12/2014, trước khi cưới có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh T1 được khoảng 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, đến khoảng năm 2019-2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, T1 xảy ra bất đồng trong nhiều vấn đề, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ giữa năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh T1, anh T1 xin ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 24/11/2015 và Đỗ Nhật M, sinh ngày 27/7/2018. Hiện nay, các con chung của anh chị đang ở cùng anh T1. Ly hôn chị đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 vụ Quốc hội: Xử cho anh Đỗ Văn T1 ly hôn chị Phạm Thị H; giao cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và anh T1 chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Đỗ Văn T1 khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị H. Chị H đăng ký hộ khẩu T1 trú tại thôn N, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có chỗ ở hiện tại ở thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc và có quan điểm đồng ý giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, do đó Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Phạm Thị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Văn T1 và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau ngày 25/12/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn. Từ giữa năm 2020, anh chị đã sống ly thân nhau, từ đó đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay cả anh T1 và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng đề nghị giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa anh T1 và chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh T1 và cho anh T1 được ly hôn chị H là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Anh T1, chị H có 02 con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 24/11/2015 và Đỗ Nhật M, sinh ngày 27/7/2018. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh T1. Ly hôn, anh T1 đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, chị H đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi 02 con chung. Xét thấy các con chung của anh chị đã ở cùng anh T1 từ nhỏ cho đến nay. Hiện nay, anh T1 có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu, Hội đồng xét xử cần giao cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là phù hợp và cũng phù hợp với đề nghị của chị H cũng như nguyện vọng của cháu Q. Anh T1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức*: Anh T1 và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 vụ Quốc hội, Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Đỗ Văn T1 ly hôn chị Phạm Thị H.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Đỗ Văn T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 24/11/2015 và Đỗ Nhật M, sinh ngày 27/7/2018. Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] *Về án phí*: Anh Đỗ Văn T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0000332 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Đỗ Văn T1 đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Trù, V;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Màu Văn Mùi